

GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ

• **ThS. PHAN MINH HIỂN**
Tổng cục Dạy nghề

Nhiệm vụ gắn đào tạo với nhu cầu xã hội đã được chỉ rõ trong Nghị quyết lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII là: “Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học - công nghệ. Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, lí luận gắn với thực tế, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội”. Quán triệt chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, ngành dạy nghề ngày càng chú trọng đến nhiệm vụ nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội trong thời kì hiện đại hoá, công nghiệp hoá đất nước.

I. Chủ thể của nhu cầu xã hội trong đào tạo nghề

Theo Kramar (1997), quy trình đào tạo gồm 3 giai đoạn: 1) Phân tích nhu cầu đào tạo, 2) Thực hiện chương trình đào tạo và 3) Đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo. Hiệu quả của đào tạo chỉ được nâng lên khi có sự phân tích đầy đủ về nhu cầu đào tạo trước khi thực hiện 2 giai đoạn còn lại. Phân tích, xác định được chủ thể của nhu cầu đào tạo là cơ sở để đặt ra mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo và lựa chọn những phương pháp hữu hiệu nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

Chủ thể của nhu cầu xã hội trong đào tạo nghề là: 1) Nhà nước, 2) Cơ sở sử dụng lao động và 3) Người học, bởi vì:

- Nhà nước quản lí, định hướng sự phát triển của cả hệ thống xã hội, trong đó đào tạo nghề là một bộ phận cấu thành,

- Cơ sở sử dụng lao động là nơi người lao động qua đào tạo được làm việc và thăng tiến;

- Người học vừa là chủ thể cung cấp sức lao động cho sản xuất, vừa là đối tượng trực tiếp của đào tạo, nếu thiếu, cơ sở đào tạo sẽ thành thừa, không thể hoạt động được.

1. Nhu cầu của Nhà nước

Nhiệm vụ của đào tạo nghề đối với Nhà

nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là góp phần thực hiện thành công các mục tiêu cơ bản của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, gồm:

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng của công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng của nông nghiệp trong GDP; điều chỉnh cơ cấu lao động để đến năm 2010 chỉ còn 50% lao động trong lĩnh vực nông nghiệp; đạt 23 - 24% lao động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, 26 - 27% lao động trong lĩnh vực dịch vụ;

- Nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 13,4% vào năm 2000 lên 26% vào năm 2010, góp phần nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo trong tổng lực lượng lao động của nền kinh tế quốc dân từ 20% lên 40% vào các năm tương ứng.

2. Nhu cầu của cơ sở sử dụng lao động

Thị trường lao động là bộ phận không thể tách rời của kinh tế thị trường và chịu sự tác động bởi các quy luật của kinh tế thị trường, trong đó có quy luật cung - cầu. Việc phân tích nhu cầu của cơ sở sử dụng lao động - thành phần cơ bản của thị trường lao động - giúp xác định được mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, danh mục nghề cần đào tạo, số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cần có để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cơ sở sử dụng lao động.

Theo kết quả điều tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hiện nay ở Việt Nam có hơn 240.000 doanh nghiệp. Dự kiến đến năm 2010, cả nước sẽ có khoảng 500.000 doanh nghiệp với nhu cầu tuyển dụng mới lực lượng lao động qua đào tạo nghề rất lớn: 2,7 triệu người. Trong đó, Tập đoàn VINASHIN sẽ cần 55.500 lao động; Tổng công ty LILLAMA - 4.500; Tổng công ty giấy Việt Nam - 10.000. Nhu cầu về lao động qua đào tạo nghề ở một số khu công nghiệp, khu kinh tế cũng khá lớn. Khu



kinh tế Dung Quất từ nay đến 2010 cần khoảng 28.000 lao động qua đào tạo nghề; khu kinh tế Chu Lai - 28.000. Một số nghề có nhu cầu cao là nghề khai thác mỏ (18.425 lao động), nghề hàn (10.630 lao động), lắp ráp vỏ tàu thủy (7.500 lao động).

3. Nhu cầu của người học

Quan điểm lấy người học làm trung tâm đã dần dần làm thay đổi phương pháp và nội dung đào tạo. Việc phân tích năng lực và nhu cầu của người học được chú trọng. Nhiệm vụ của đào tạo nghề là trang bị cho họ khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, tạo cơ hội để họ đạt được nguyện vọng học tập suốt đời.

Cho đến nay, công tác người học (công tác học sinh, sinh viên) là một mảng công việc trong các cơ sở dạy nghề. Tuy nhiên, các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề hầu như chưa đề cập tới công tác người học mà chỉ tập trung vào các nhiệm vụ khác như nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất,... Một khi quá trình dạy học là sự tương tác chặt chẽ giữa thầy và trò, người học đã được coi là "trung tâm" của quá trình dạy học thì quyền lợi, nghĩa vụ, nguyện vọng của người học phải là một nội dung trong các nhóm giải pháp.

II. Những điểm nổi bật trong phát triển dạy nghề

1. Mạng lưới cơ sở dạy nghề

Nếu như năm 1998, 15 tỉnh không có trường dạy nghề thì đến nay, mạng lưới cơ sở dạy nghề phát triển nhanh, phủ khắp các địa phương trong cả nước. Đến tháng 8-2008 có 2070 cơ sở dạy nghề, gồm 90 trường cao đẳng nghề, 204 trường trung cấp nghề, 40 trường dạy nghề, 684 trung tâm dạy nghề và 1152 cơ sở đào tạo khác có đào tạo nghề, dần dần đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ đào tạo, góp phần giảm tỉ lệ thất nghiệp, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động trong phạm vi cả nước.

Tuy nhiên, mạng lưới cơ sở dạy nghề phát triển không đồng đều giữa các địa phương. Các cơ sở dạy nghề tập trung nhiều ở một số thành phố lớn và những tỉnh có nền công nghiệp phát triển như Hà Nội (năm 2007 có 223 cơ sở dạy nghề, gồm 7 trường cao đẳng nghề, 30 trường

trung cấp nghề, 15 trường dạy nghề, 39 trung tâm dạy nghề và 132 cơ sở khác có dạy nghề), Đồng Nai (có 70 cơ sở dạy nghề, gồm 3 trường cao đẳng nghề, 1 trường trung cấp nghề, 5 trường dạy nghề, 36 trung tâm dạy nghề và 25 cơ sở đào tạo khác có dạy nghề). Trong khi đó, tại một số tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa mới có lác đác một số cơ sở dạy nghề, như: Lai Châu (3 cơ sở dạy nghề), Kon Tum (7 cơ sở dạy nghề). Nguyên nhân là rất khó tuyển sinh tại những địa phương này do tập tục còn lạc hậu, phương tiện giao thông còn khó khăn, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp.

2. Quy mô và cơ cấu nghề đào tạo

Quy mô đào tạo nghề tăng nhanh; giai đoạn 2001 - 2006 dạy nghề cho 6,6 triệu người, tăng bình quân 6,5%/năm, trong đó dạy nghề dài hạn đạt 1,14 triệu người, tăng bình quân 15%/năm. Năm 2007 tuyển sinh 1.436.500 người (trung cấp nghề: 151.000 người, cao đẳng nghề: 29.500 người). Cơ cấu nghề đào tạo đã dần dần được điều chỉnh theo nhu cầu của các doanh nghiệp. Nhiều nghề mới thị trường lao động cần đang được đưa vào đào tạo. Quyết định số 37/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về "Ban hành tạm thời Danh mục nghề đào tạo trình độ trung cấp nghề, Danh mục nghề đào tạo trình độ cao đẳng nghề" đã giúp cho các cơ sở dạy nghề có tầm nhìn bao quát về hệ thống nghề đang tồn tại để từ đó định hướng, điều chỉnh cơ cấu nghề đào tạo cho phù hợp. Tuy nhiên, nhiều cơ sở dạy nghề vẫn đào tạo theo khả năng "cung" của mình chứ chưa thực sự đào tạo theo "cầu" của thị trường nên dẫn đến tình trạng vừa thừa vừa thiếu trong "cung" lao động.

3. Nội dung, chương trình đào tạo

Trong quá trình xây dựng chương trình dạy nghề đã có sự tham gia tích cực của doanh nghiệp. Nội dung, chương trình đào tạo đang chuyển dần theo hướng cầu của thị trường lao động, đồng thời tạo điều kiện để người học có cơ hội thăng tiến bằng con đường hoàn thiện kiến thức, kĩ năng và đạo đức nghề nghiệp. Chương trình đào tạo nghề theo mô-đun giúp người học có thể đạt được nguyện vọng học tập suốt đời; họ có thể vừa học vừa làm để kiếm sống hoặc đi làm một thời gian sau đó học tiếp.

4. Năng lực đội ngũ lao động qua đào tạo nghề

Năng lực đội ngũ lao động được đánh giá thông qua khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm, năng lực thực hiện trong quá trình sản xuất và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh của công nghệ. Theo điều tra của Tổng cục Dạy nghề, có khoảng 70% học sinh, sinh viên học nghề tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Đội ngũ lao động qua đào tạo nghề ở một số lĩnh vực như viễn thông, điện tử, tin học đã đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp có công nghệ hiện đại. Tuy vậy, chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo nói chung vẫn chưa phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ sản xuất; thiếu lao động kỹ thuật trình độ cao thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn, ngành kinh tế trọng điểm.

5. Các hoạt động gắn kết giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp

Cung - cầu lao động đã từng bước được gắn kết; các hình thức hợp tác giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp đang được chú trọng. Các hoạt động dạy nghề từ việc xác định danh mục nghề đào tạo, xây dựng nội dung, chương trình trên cơ sở phân tích nghề đến biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học đều có sự tham gia của doanh nghiệp; học sinh được tổ chức thực tập ngay trên máy móc, thiết bị đang sử dụng tại doanh nghiệp nên họ có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế sản xuất, được tiếp cận với các công nghệ hiện đại mà cơ sở đào tạo có thể chưa có khả năng trang bị. Tuy nhiên, mối quan hệ cơ sở dạy nghề - doanh nghiệp còn mang tính cục bộ, chưa đều, chưa khắp, chưa khăng khít.

III. Một số giải pháp nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của đào tạo nghề

1. Đổi mới quản lý dạy nghề

Giao quyền chủ động cao hơn cho các cơ sở dạy nghề nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của họ. Nhanh chóng chuyển hình thức giao chỉ tiêu tuyển sinh theo kế hoạch sang giao chỉ tiêu tuyển sinh theo năng lực của cơ sở dạy nghề dựa trên đánh giá khách quan của xã hội, doanh nghiệp và người học.

2. Tiếp tục phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề

- Quy hoạch mạng lưới theo cấp trình độ

(cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề); nâng cấp cơ sở dạy nghề hiện có; xây dựng mới các trường cao đẳng nghề tương đương với trình độ quốc tế tại các vùng kinh tế động lực, các khu công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

- Chú trọng phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề ở những nơi khó khăn về kinh tế - xã hội như các tỉnh miền Tây bắc, Tây Nguyên và miền Tây Nam bộ. Khuyến khích phát triển các hình thức dạy nghề ngoài công lập, tại doanh nghiệp, tại làng nghề.

3. Phát triển chương trình đào tạo theo nhu cầu về lao động

Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở phân tích nghề có sự tham gia của doanh nghiệp. Tiếp tục điều chỉnh nội dung chương trình dạy nghề theo mô-đun, đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt, khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thị trường lao động và đáp ứng được nhu cầu người học; tăng thời lượng thực hành, đặc biệt thực hành tại doanh nghiệp.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên dạy nghề

- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005 - 2010"; rà soát, phân loại giáo viên theo chuẩn trình độ; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để có đủ đội ngũ giáo viên dạy nghề đạt chuẩn theo quy định;

- Chú trọng nâng cao kỹ năng nghề của đội ngũ giáo viên; tiến tới không còn giáo viên dạy nghề chỉ biết dạy lý thuyết hoặc dạy thực hành; hằng năm tổ chức cho giáo viên dạy nghề đi thực tập tại doanh nghiệp để tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến;

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; có danh sách cụ thể về số lượng giáo viên được đào tạo hằng năm và đánh giá tiến bộ của giáo viên so với khi chưa được đào tạo, bồi dưỡng.

5. Tăng cường mối liên kết giữa cơ sở dạy nghề và cơ sở sử dụng lao động

Tăng cường quan hệ hợp tác giữa cơ sở dạy nghề và cơ sở sử dụng lao động trong: thông tin nhu cầu lao động qua đào tạo nghề của cơ sở sử dụng lao động (số lượng, ngành nghề, cơ cấu



trình độ,...), trong công tác dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của từng cơ sở sử dụng lao động nói riêng, của cả nước nói chung; trong thực hành nghề của giáo viên và học sinh, sinh viên; trong xây dựng chương trình, giáo trình, danh mục nghề đào tạo; trong kiểm định chất lượng, và trong hỗ trợ, chuyển giao công nghệ.

6. Thiết lập hệ thống thông tin thị trường lao động

Thiết lập hệ thống thông tin thị trường lao động ở Trung ương và địa phương để thường xuyên nắm bắt nhu cầu xã hội về lao động, từ đó lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kĩ thuật cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

7. Xây dựng, hoàn thiện chính sách nâng cao chất lượng dạy nghề

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách huy động các doanh nghiệp tham gia dạy nghề. Những doanh nghiệp thành lập cơ sở dạy nghề hoặc có tham gia vào các hoạt động dạy nghề được giảm một phần thuế thu nhập doanh nghiệp; nếu không tham gia, nhưng sử dụng lực lượng lao động đã qua đào tạo, phải đóng góp một phần kinh phí cho các cơ sở dạy nghề theo quy định của Nhà nước.

- Điều chỉnh lượng giờ chuẩn quy định sao cho không có sự khác biệt về quyền lợi, chế độ giữa giáo viên dạy thực hành và giáo viên dạy lý thuyết nhằm nâng cao trách nhiệm của giáo viên dạy thực hành và chất lượng kĩ năng nghề của người học.

8. Công tác người học nghề

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người học nghề về con đường phát triển nghề nghiệp của mình là không phải chỉ vào đại học mới có tương lai, có nghề nghiệp;

- Tăng cường công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người học nghề xã hội chủ nghĩa: biết làm việc theo pháp luật, có kiến thức và kĩ năng cần thiết phù hợp với sản xuất hiện đại, có khả năng lao động sáng tạo và tự học suốt đời, giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam;

- Đẩy mạnh phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt"; thực hiện có hiệu quả các hoạt động kiến tập, thực tập, tham quan tại các cơ sở sản xuất với phương châm học đi đôi với hành; tạo điều kiện để người học nghề tiếp cận công nghệ mới, các tiến bộ khoa học - kĩ thuật;

- Đổi mới phương pháp dạy nghề, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào giảng dạy; phát huy tính chủ động, tích cực của người học, thực hiện phương châm "người học là trung tâm" của dạy học;

- Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách về người học nghề quy định trong Luật Giáo dục, Luật Dạy nghề và các văn bản hiện hành khác; giám sát việc thực hiện và nâng cao hiệu quả vốn vay tín dụng đào tạo để tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên nghèo có cơ hội học hành, tiếp cận lĩnh vực giáo dục kĩ thuật và dạy nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Chính phủ Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Số liệu thống kê lao động - việc làm ở Việt Nam 2006, NXB Thống kê, Hà Nội, 2007.
5. Tổng cục Dạy nghề, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2007 và kế hoạch công tác năm 2008, Hà Nội, 2007.
6. Vũ Ngọc Hải, Cung - cầu giáo dục, Tạp chí Khoa học giáo dục số 25 tháng 10 năm 2007.
7. Phan Văn Kha, Phát triển giáo dục trong nền kinh tế thị trường định xã hội chủ nghĩa, Tạp chí Khoa học giáo dục số 14 tháng 11 năm 2006.
8. Kramar, R., McGraw, P. & Schuler, R.S., Management of Human Resources in Australia, 3rd ed., Longman Publishing House, Melbourne, 1997.
9. Phan Minh Hiền, Đào tạo đội ngũ lao động kĩ thuật trong nền kinh tế thị trường - thực trạng và giải pháp, Tạp chí Khoa học giáo dục số 19 tháng 4 năm 2007.

SUMMARY

After analyzing the vocational training needs, the author provides several distinguishing features of Vietnam's vocational training. Also, several solutions are proposed to improve the capacities of the vocational system for satisfying the society's demands.